



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1790/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TÂY NINH
- Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TÂY NINH
- Địa chỉ : Số 04 Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 5, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Người lấy mẫu : Nguyễn Giáp Thạch
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, bệnh viện hoạt động bình thường
- Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/09/2025
- Thời gian phân tích : 13/09/2025 – 22/09/2025
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 1/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1790/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 250913003_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN28:2010/ BTNMT, Cột A C _{max} =C _x K	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1	pH	-	6,68	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	13	60	TCVN 6625:2000
3	COD	mg/L	22	60	SMEWW 5220C:2023
4	BOD ₅ *	mg/L	8	36	TCVN 6001-1:2021
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)*	mg/L	KPH (MDL=0,03)	1,2	SMEWW 4500 – S ²⁻ .B&D:2023
6	Amoni (N_NH ₄ ⁺)*	mg/L	0,85	6	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7	Nitrat (N_NO ₃ ⁻)	mg/L	21,6	36	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2023
8	Phosphat (P_PO ₄ ³⁻)	mg/L	3,68	7,2	SMEWW 4500-P. D:2023
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=0,5)	12	SMEWW 5520 B &F:2023
10	Salmonella spp [#]	CFU/ 100mL	KPH (MDL=3)	KPH	TCVN 9717:2013
11	Shigella [#]	CFU/ 100mL	KPH (MDL=3)	KPH	SMEWW 9276B:2023
12	Vibro cholera [#]	CFU/ 100mL	KPH (MDL=3)	KPH	SMEWW 9278B:2023
13	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	21 x 10 ²	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú – Vimcerts 292)
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải y tế
Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải y tế khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán C_{max}, quy định tại Bảng 1
K = 1,2 ứng là hệ số quy mô bệnh viện < 300 giường
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, Phường An Phú Đông, Tp. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1790/2509

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2025

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải sau xử lý (Kinh độ: 106°06'29.0'', Vĩ độ: 11°19'48.4'')



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 3/3